CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCPA Tập đoàn Macstar

Ngày 30/06/2025	20,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.6%	**39.3%**	**43.3%**

DT thuần
Q2/25
53.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 10.4| 24.4%
YoY: ▲ 22.9| 75.7%

LN thuần
Q2/25
19.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.50| 93.1%
YoY: ▼11.6| -37.1%

LN sau thuế
Q2/25
16.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.81| 116%
YoY: ▼9.40| -36.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
38.4%
YoY: +/-▲ 13.8%

ROE (TTM)
Q2/25
11.2%
YoY: +/-▼ 5.8%

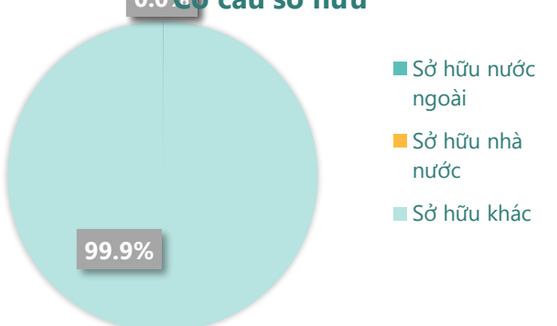
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,420 - 22,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	456
Số lượng CPLH (CP)	22,709,408
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,850
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.60
EPS	1,509
P/E	13.3

DT thuần
6T 2025
96.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 46.6| 94.3%

LN thuần
6T 2025
29.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.00| -21.0%

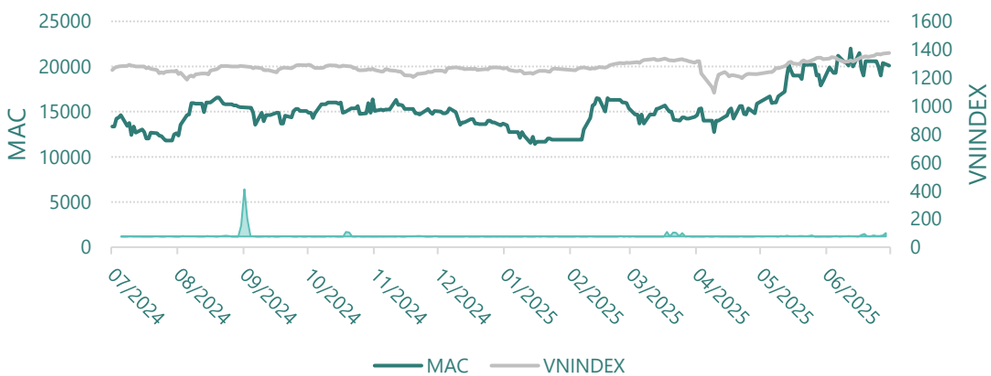
LN sau thuế
6T 2025
24.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.90| -22.3%

Cơ cấu sở hữu

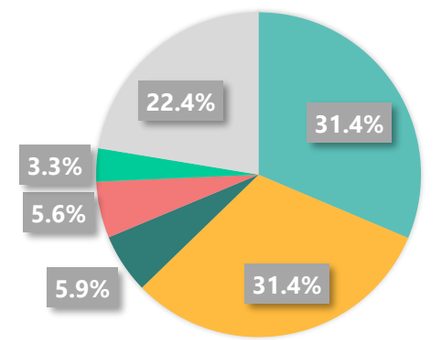


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



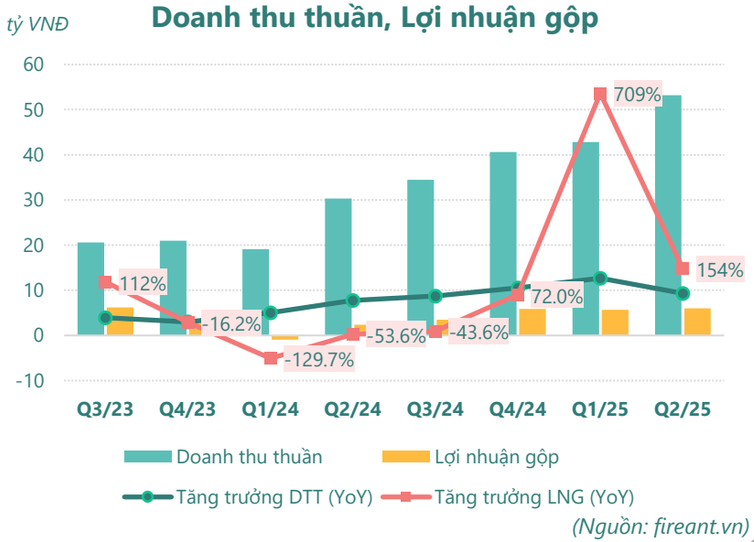
Cơ cấu cổ đông



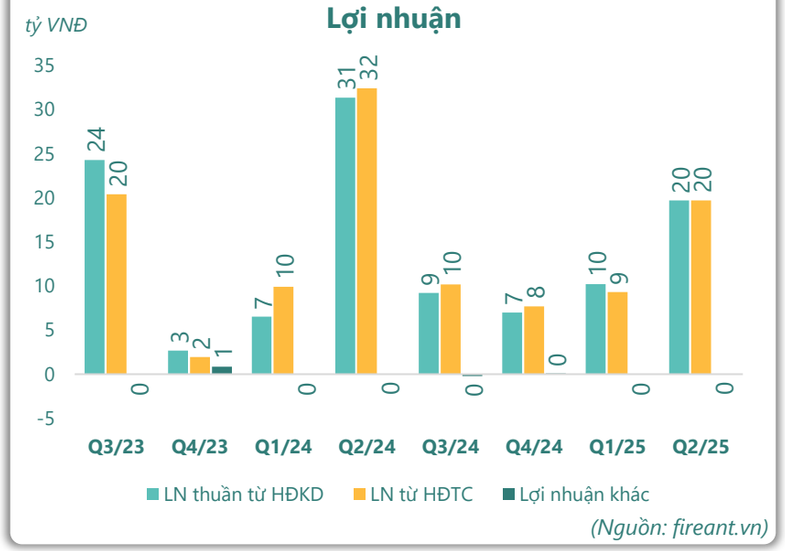
- CTCP Đầu tư Sao Á D.C
- CTCP Quỹ TM Holding
- Vũ Hải Trường (Thành viên HĐQT)
- Trần Thanh Hải
- Nguyễn Văn Trúc
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

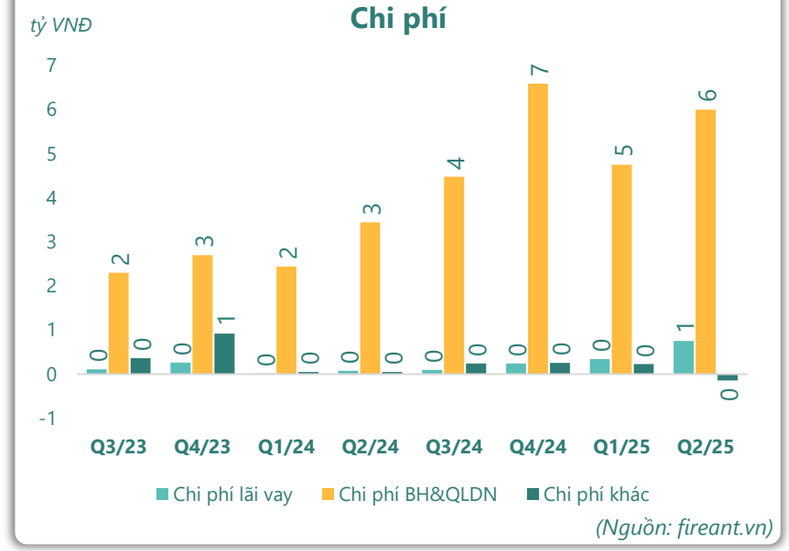
KẾT QUẢ KINH DOANH



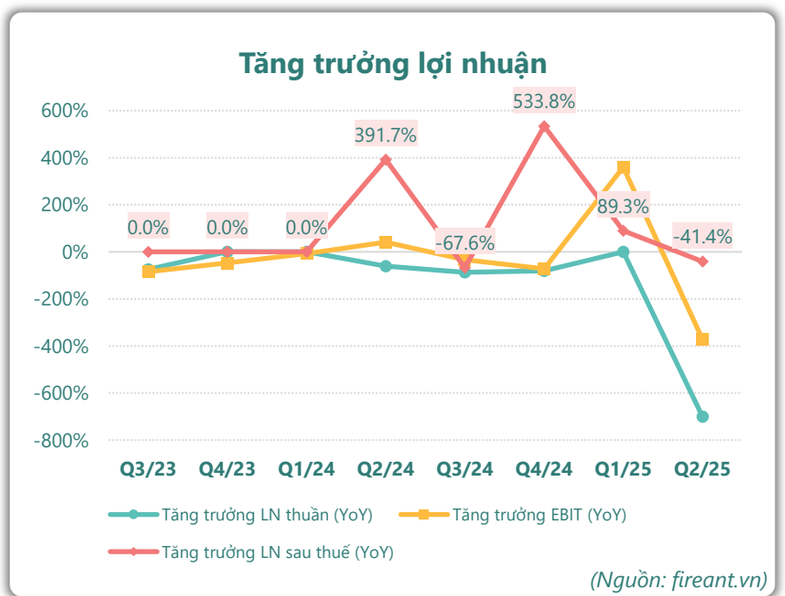
(Nguồn: fireant.vn)



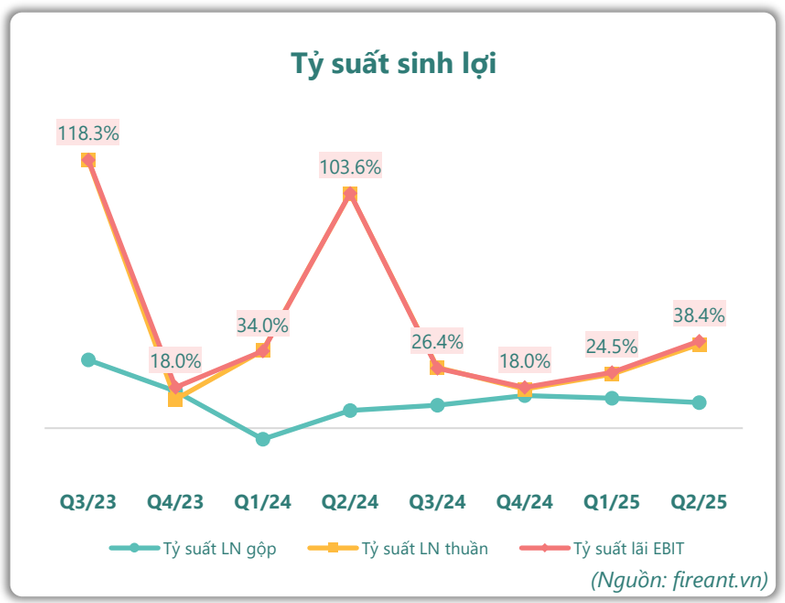
(Nguồn: fireant.vn)



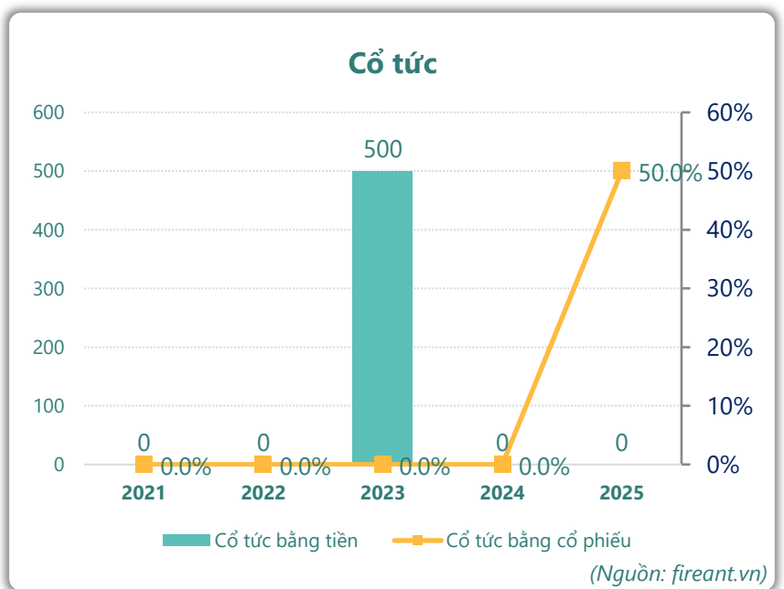
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



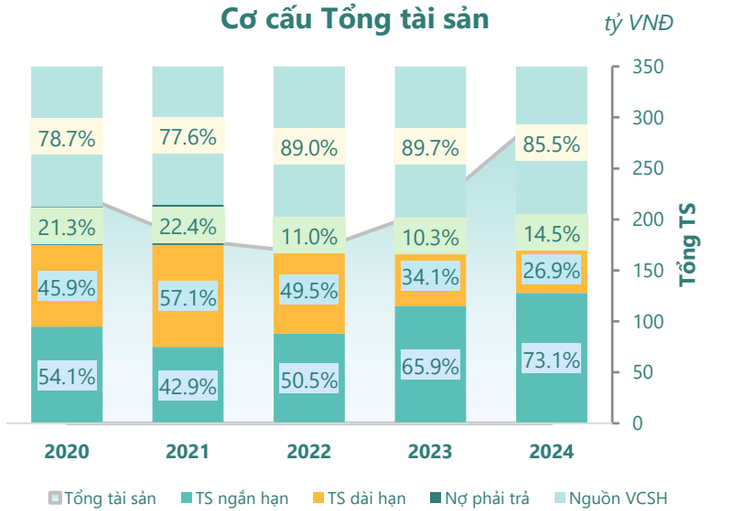
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

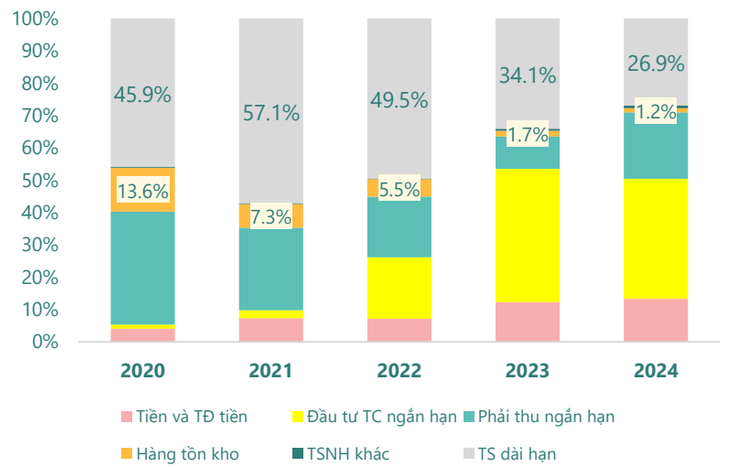
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



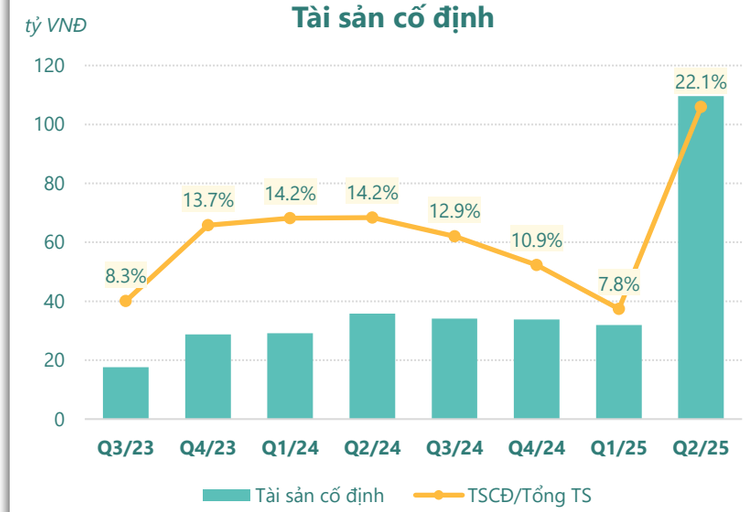
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



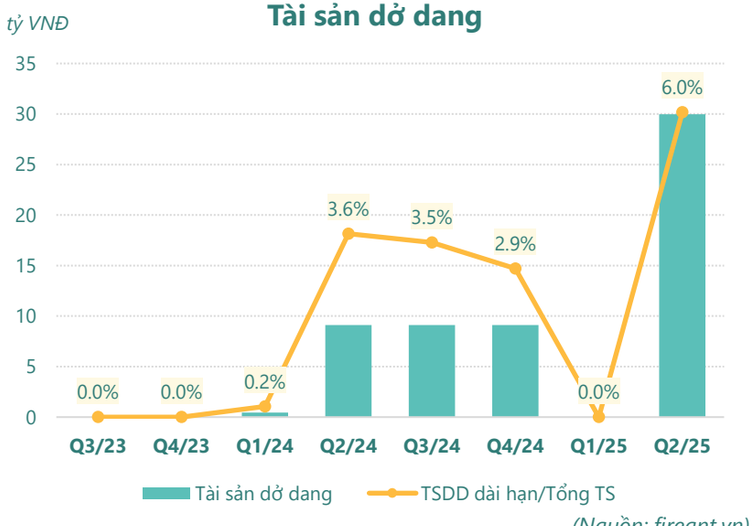
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



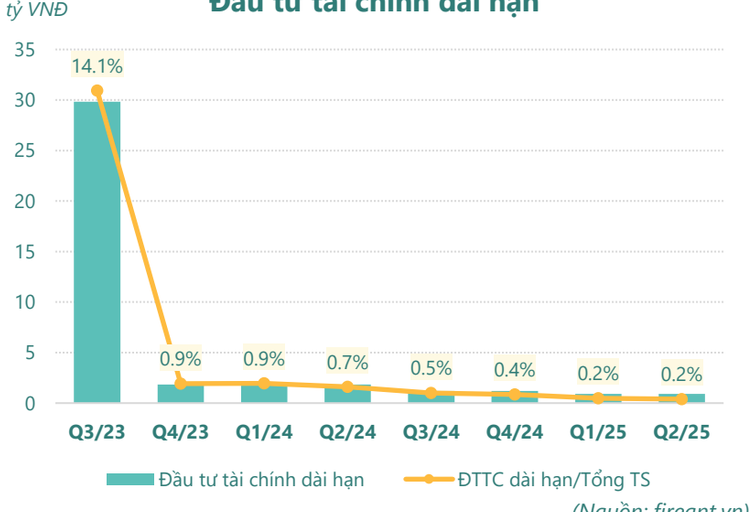
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



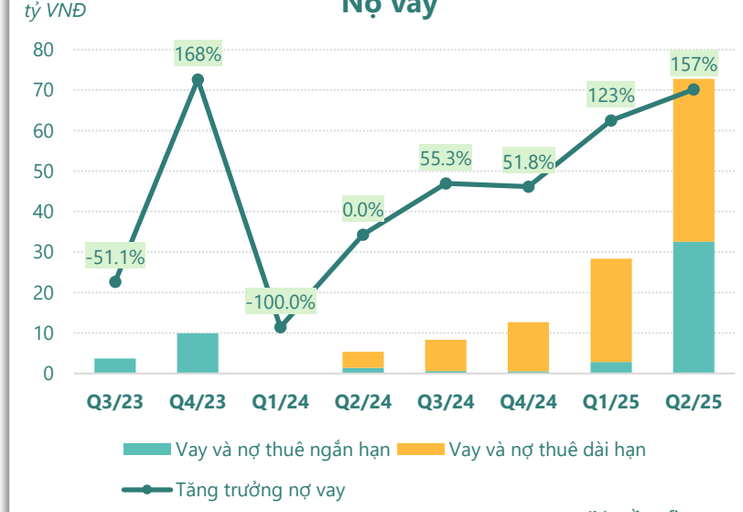
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

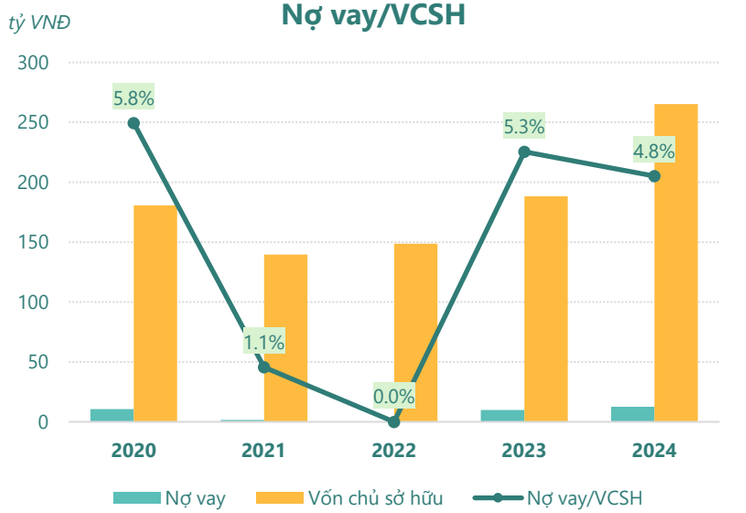
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

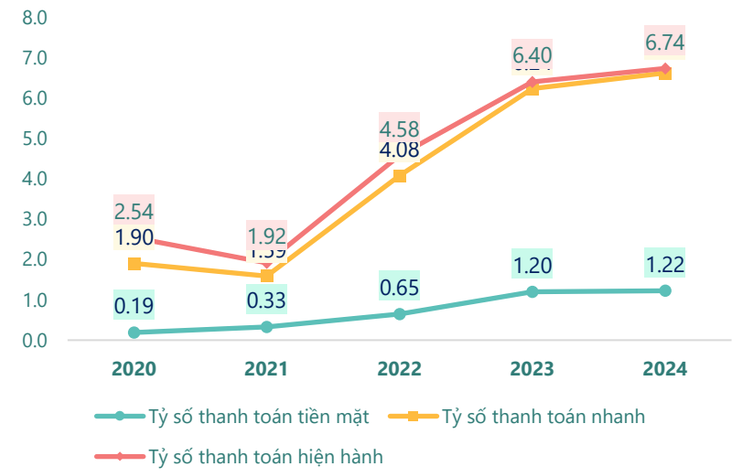
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



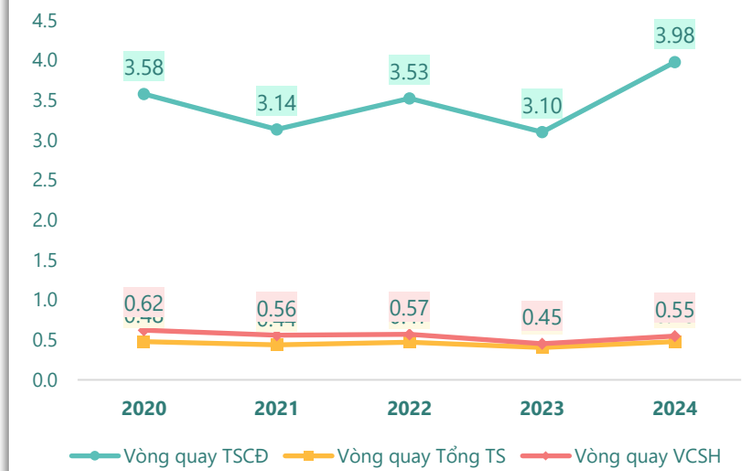
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



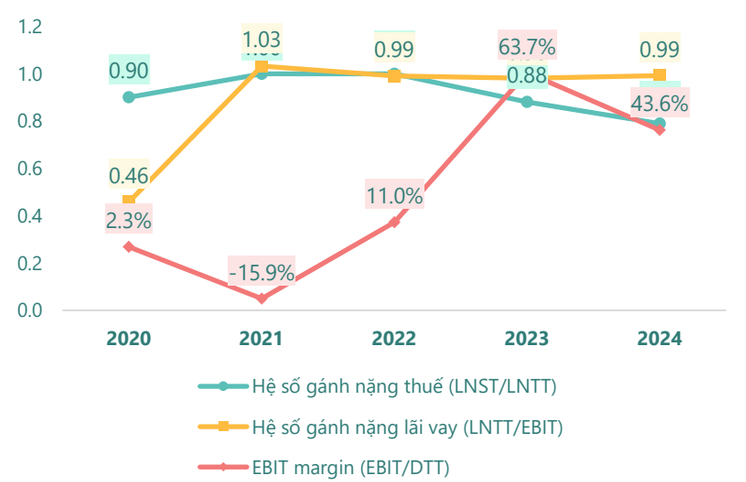
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



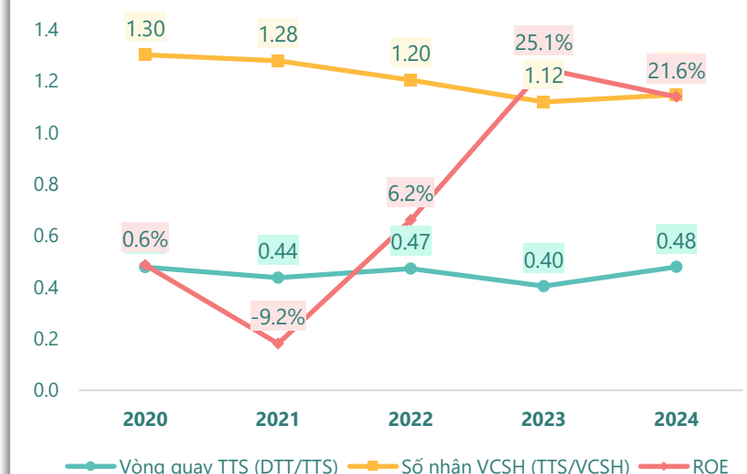
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



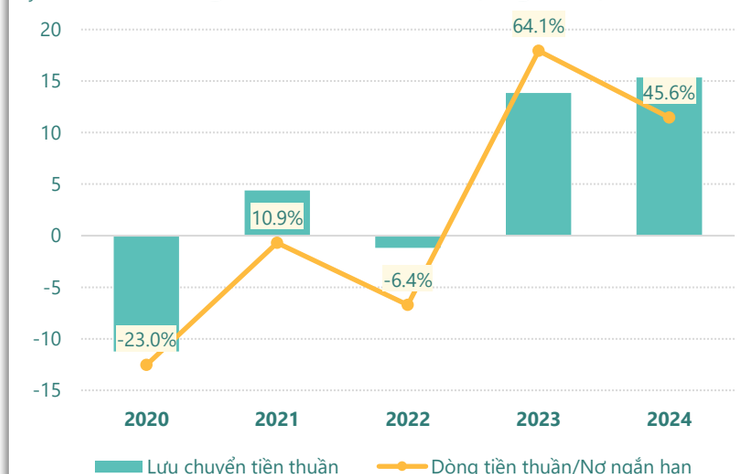
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**53.2**	**30.3**	**75.7%**	**96.0**	**49.4**	**94.3%**
Giá vốn hàng bán	47.2	27.9	69.3%	84.4	48.0	75.9%
Lợi nhuận gộp	5.98	2.35	154%	11.6	1.42	718%
Doanh thu HĐTC	23.4	36.4	-35.7%	33.3	46.3	-28.2%
Chi phí TC	3.70	3.94	-6.0%	4.23	4.00	5.8%
Chi phí lãi vay	0.75	0.08	843%	1.10	0.09	1067%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.01	0.03	-58.0%	0.06	0.03	84.4%
Chi phí QLDN	**5.99**	**3.41**	**75.6%**	**10.7**	**5.85**	**82.9%**
LN thuần từ HĐKD	19.7	31.3	-37.1%	29.9	37.9	-21.0%
Lợi nhuận khác	**-0.02**	**-0.03**	**27.3%**	**-0.07**	**-0.07**	**4.3%**
LN trước thuế	19.7	31.3	-37.1%	29.8	37.8	-21.1%
Lợi nhuận sau thuế	**16.4**	**25.8**	**-36.3%**	**24.0**	**30.9**	**-22.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**12.0**	**26.1**	**-53.9%**	**20.1**	**31.5**	**-36.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	31.1	-31.9	52.5	28.0	-16.8	12.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-12.3	-3.05	0.80	-88.1	-57.1	-8.28
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-9.91	7.36	2.98	37.9	117	16.6
Tiền đầu kỳ	25.8	34.8	7.17	63.5	41.2	84.0
Lưu chuyển tiền thuần	**8.93**	**-27.6**	**56.3**	**-22.3**	**42.8**	**21.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	34.8	7.17	63.5	41.2	84.0	105

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**497**	**310**	**60.1%**
Tài sản ngắn hạn	320	227	41.2%
Tiền và tương đương tiền	105	41.2	155%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	142	115	23.4%
Phải thu ngắn hạn	58.0	63.7	-9.0%
Hàng tồn kho	4.56	3.85	18.4%
Tài sản ngắn hạn khác	10.1	2.55	295%
Tài sản dài hạn	**176**	**83.6**	**111%**
Phải thu dài hạn	34.8	38.1	-8.7%
Tài sản cố định	110	33.8	224%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	30.0	9.13	229%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.90	1.20	-25.0%
Tài sản dài hạn khác	**1.24**	**1.30**	**-5.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	107	45.0	138%
Nợ ngắn hạn	**67.1**	**33.6**	**99.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	32.6	1.29	2422%
Phải trả người bán ngắn hạn	17.9	9.52	88.2%
Nợ dài hạn	40.2	11.4	253%
Vay và nợ thuê dài hạn	40.2	11.4	253%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**389**	**265**	**46.8%**
Vốn chủ sở hữu	**389**	**265**	**46.8%**
Vốn điều lệ	227	151	50.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)